

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 – TOÁN 10
THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)				
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL					
1	1. Mệnh đề. Tập hợp	1.1. Mệnh đề	1	4								1	4	20%			
		1.2. Tập hợp	1	4								1	4				
		1.3. Các phép toán trên tập hợp			1	5	1	8	1	12		7	48	70%			
2	2. Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	2.1. Bất phương trình bậc nhất hai ẩn			1	5											
		2.2. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn					1	8									
3	3. Hệ thức lượng trong tam giác	3.1. Giá trị lượng giác của một góc từ 0 ^o đến 180 ^o															
		3.2. Định lí cosin và định lí sin			1	5											
		3.3. Giải tam giác và ứng dụng thực tế			1	5											
4	4. Vector		1	4							1	4	10%				
Tổng			3	12	4	20	2	16	1	12		10	60				
Tỉ lệ (%)			30%		40%		20%		10%					100			
Tỉ lệ chung (%)			70%				30%							100			

BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 – TOÁN 10
THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	1. Mệnh đề. Tập hợp	1.1. Mệnh đề	Nhận biết: - Biết thế nào là một mệnh đề, mệnh đề phủ định , mệnh đề chứa biến. - Biết ý nghĩa lượng từ thường dùng: với mọi ($\forall$) và tồn tại ($\exists$). - Biết được mệnh đề kéo theo, mệnh đề tương đương. Thông hiểu: - Lấy được ví dụ mệnh đề, phủ định một mệnh đề, xác định được tính đúng sai của các mệnh đề trong những trường hợp đơn giản. - Lập được mệnh đề đảo của một mệnh đề cho trước. - Phân biệt được điều kiện cần và điều kiện đủ, giả thiết và kết luận. - Lấy được ví dụ mệnh đề kéo theo và mệnh đề tương đương.	1	0	0	0
		1.2. Tập hợp	Nhận biết: - Biết cho tập hợp bằng cách liệt kê các phần tử của tập hợp hoặc biết kí hiệu $\in, \notin, \subset, \supset, =, \neq$ trong quan hệ tập hợp. - Biết về tập hợp, tập hợp con, tập hợp bằng nhau. - Biết được các kí hiệu $\mathbb{N}^*, \mathbb{N}, \mathbb{Z}, \mathbb{Q}, \mathbb{R}$ và mối quan hệ giữa các tập hợp đó. - Biết biểu diễn được các khoảng, đoạn, nửa khoảng trên trục số. - Biết sử dụng đúng các kí hiệu $(a; b); [a; b]; (a; b]; [a; b); (-\infty; a); (-\infty; a]; (a; +\infty); [a; +\infty); (-\infty; +\infty)$.	1	0	0	0

		1.3. Các phép toán trên tập hợp	Thông hiểu: - Thực hiện được các phép toán giao của hai tập hợp, hợp của hai tập hợp, phần bù của một tập con. - Sử dụng đúng các kí hiệu $\emptyset$, $A \setminus B$, $C \in A$. Vận dụng: - Thực hiện được các phép toán lấy giao của hai tập hợp, hợp của hai tập hợp, hiệu của của hai tập hợp, phần bù của một tập con. - Biết dùng biểu đồ Ven để biểu diễn giao của hai tập hợp, hợp của hai tập hợp. Vận dụng cao: - Vận dụng các khái niệm và phép toán về tập hợp để giải bài tập. - Vận dụng để giải bài toán thực tế.		1	1	1
2	2. Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	2.1. Bất phương trình bậc nhất hai ẩn	Thông hiểu: - Biểu diễn được miền nghiệm của bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng tọa độ. Vận dụng cao: - Lập được bất phương trình bậc nhất hai ẩn và biểu diễn miền nghiệm từ bài toán thực tế.	0	1	0	
		2.2. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn	Vận dụng: - Biểu diễn được miền nghiệm của hệ bất phương trình cho trước. - Lập được hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn và biểu diễn miền nghiệm từ bài toán thực tế. Vận dụng cao: - Giải bài toán thực tế.	0	0	1	

3	3. Hệ thức lượng trong tam giác	3.2. Định lý cosin và định lý sin	Thông hiểu: - Sử dụng định lý cosin để tính cạnh và góc của tam giác. - Sử dụng định lý sin để tính cạnh và góc và bán kính ngoại tiếp của tam giác. - Hiểu công thức tính diện tích tam giác. Vận dụng cao: - Giải bài toán thực tế.		1		
		3.3. Giải tam giác và ứng dụng thực tế	Thông hiểu: - Sử dụng hệ thức lượng để giải tam giác. Vận dụng cao: - Giải bài toán thực tế.		1		
4	4. Vectơ	4.1. Khái niệm vectơ	Nhận biết: - Biết các khái niệm và tính chất vectơ, vectơ-không, độ dài vectơ, hai vectơ cùng phương, hai vectơ bằng nhau. - Biết được vectơ-không cùng phương và cùng hướng với mọi vectơ.	1	0	0	0
Tổng				3	4	2	1